

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 4 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn và bà Vũ Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2022/HNGĐ - ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: số nhà 24, tổ 1, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Trần Văn M, sinh năm 1989;

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: số nhà 24, tổ 1, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: chị Phạm Thị H có mặt; anh Trần Văn M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: chị và anh Trần Văn M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Sau khoảng 02 năm tìm hiểu, anh chị quyết định tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2013 tại UBND phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì anh M vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Trong thời gian anh M đi chấp hành án, chị vẫn đi thăm nuôi bình thường đến tháng 4 năm 2019, anh M chấp hành án xong anh, chị vẫn tiếp tục chung sống cùng nhau. Đến ngày 20/10/2019 thì anh M bỏ nhà ra đi. Trước khi anh M đi không nói với chị và gia đình biết là đi đâu, làm gì. Kể từ khi anh M đi đến nay không liên lạc cho chị và gia đình biết là anh M đi đâu, làm gì. Năm 2022, chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Trần Văn M mất tích, đến ngày 31/8/2022, Tòa án đã tuyên bố anh Trần Văn M mất tích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, để đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp của chị nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về nuôi con chung: chị và anh Trần Văn M có 01 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 31/08/2013. Hiện nay cháu Gia H đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng, nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Gia H cho chị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: chị Phạm Thị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì Quyết định giải quyết việc dân sự số: 03/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp đang có hiệu lực thi hành. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản khác cho anh Trần Văn M theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Về quan hệ hôn nhân:** chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn M.

Cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn M.

- **Về nuôi con chung:** giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 31/08/2013 cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn M có quyền đi lại thăm nom con chung.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và nợ riêng:** chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn M ở địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: số nhà 24, tổ 1, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ngày 27/3/2023 anh Trần Văn M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 12/4/2023, anh Trần Văn M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Trần Văn M kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 27 tháng 3 năm 2013 tại UBND phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Đến ngày 20/10/2019 anh Trần Văn M bỏ đi khỏi địa phương đến nay. Từ khi anh M bỏ đi đến nay chị H và gia đình không có tin tức địa chỉ của anh M, chị H và gia đình đã rất nhiều lần tìm kiếm tin tức của anh M nhưng không có kết quả. Do vậy tháng 4/2022 chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp tuyên bố anh Trần Văn M mất tích. Tại Quyết định số: 03/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp đã tuyên bố anh Trần Văn M mất tích theo quy định của pháp luật. Từ khi chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đến nay anh Trần Văn M không trở về, không có tin tức gì. Xét mục đích hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn M không đạt được, việc anh Trần Văn M mất tích chính là căn cứ để Tòa án chấp nhận yêu cầu và giải quyết cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn M theo khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nuôi con chung, con riêng: chị Phạm Thị H và anh Trần Văn M không có con riêng, về con chung chị và anh M có 01 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 31/08/2013. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Gia H cho chị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Song hiện nay anh Trần Văn M đã bị tuyên bố mất tích và cháu Gia H đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Gia H, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Gia H cho chị Phạm Thị H chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Gia H trưởng thành là phù hợp với pháp luật và thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con: trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Phạm Thị H không đề nghị nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn M.

2/ Về nuôi con chung: giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 31/08/2013 cho chị Phạm Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

* Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002671 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- UBND phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Ngọc Tú

